

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng: Giải pháp cơ bản và lâu dài kiểm soát lạm phát

TSKH. VÕ ĐẠI LƯỢC*

1. Nhận diện lạm phát của Việt Nam và giải pháp của Chính phủ

Những biện pháp kiểm soát lạm phát của Chính phủ vừa ban hành là một gói giải pháp toàn diện, mà cốt lõi của nó chính là thắt chặt tài chính và tiền tệ nhằm giảm lượng tiền trong lưu thông thông qua cắt giảm chi tiêu công và giảm dư nợ tín dụng, ước tính khoảng 120.000 tỷ đồng. Dư nợ của toàn bộ hệ thống ngân hàng hiện ước khoảng 260.000 tỷ đồng nghĩa là bằng 120% GDP vượt quá xa 60% mức trung bình của các quốc gia, do vậy lạm phát đã tăng cao là điều dễ hiểu. Nếu rút đi 120.000 tỷ đồng, thì sẽ còn 140.000 tỷ đồng, tương đương 64% GDP - đây là mức trung bình của nhiều quốc gia, do vậy khả năng kiểm soát lạm phát cao là điều có thể nhìn thấy.

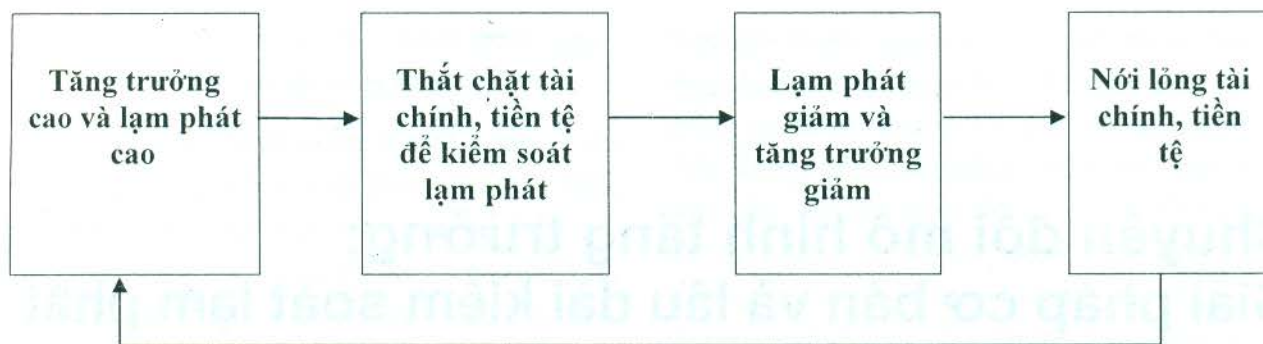
Tuy nhiên, cơ chế “xin - cho” sẽ xuất hiện, xin được chi công cao hơn, xin vay nhiều hơn... chính cơ chế “xin - cho” sẽ làm giảm hiệu lực của các giải pháp trên.

Nguyên nhân sâu xa của lạm phát ở Việt Nam lại là từ mô hình tăng trưởng - dựa chủ

yếu vào tăng vốn - chiếm vào khoảng 60% mức tăng trưởng GDP, và việc sử dụng vốn lại kém hiệu quả - chỉ số ICOR cao khoảng 7 - 8. Do vậy, nếu giảm chi công, giảm dư nợ tín dụng chắc chắn sẽ dẫn đến tình trạng tăng trưởng thấp - đây cũng là cái giá phải trả của việc kiểm soát lạm phát. Song, nếu kinh tế chỉ tăng trưởng 4 - 5% thì sẽ dẫn đến những hệ quả tiêu cực về kinh tế và xã hội, do vậy không thể kéo dài tình trạng tăng trưởng thấp. Chính phủ phải ra tay thúc đẩy tăng trưởng và biện pháp dễ làm nhất là nới lỏng chính sách tiền tệ và tài chính, nghĩa là lại tăng chi công, tăng dư nợ tín dụng - hệ quả là lạm phát lại tái bùng phát cùng với tăng trưởng cao. Vòng xoáy lạm phát và tăng trưởng ở Việt Nam trong những năm qua (2007 đến nay) là:

Lạm phát cao ở Việt Nam hiện nay diễn ra trong điều kiện phức tạp - thâm hụt thương mại cao, thâm hụt ngân sách tăng, nợ nước ngoài tăng nhanh hơn, chỉ số ICOR cao, dự trữ ngoại tệ thấp, kinh tế thế giới hồi phục mong manh, tăng trưởng GDP của hầu hết các nước đều được dự báo là thấp hơn năm 2010...

* Trung tâm Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương



Tình hình phức tạp trên đã làm cho lạm phát thêm nghiêm trọng và những hệ quả tiêu cực của nó cũng gia tăng hơn. Lạm phát cao, lãi suất cao, giá vàng và USD đều tăng, thị trường chứng khoán giảm, thị trường bất động sản đóng băng, tiền lương và thu nhập thực tế của dân cư giảm...

Tình hình kinh tế Việt Nam đang diễn biến theo chiều hướng ngày càng khó khăn hơn, đặc biệt là từ Quý III năm 2011, các hãng đánh giá tín nhiệm nổi tiếng trên thế giới đã liên tục hạ bậc tín nhiệm của hệ thống tín dụng và ngân hàng Việt Nam.

Tình hình lạm phát cao, lãi suất cao, dự trữ ngoại tệ hạn chế, cùng một số mất cân đối kinh tế gia tăng... có thể sẽ dẫn tới tình thế là một số doanh nghiệp sẽ rơi vào tình trạng đình đốn, hoặc sản xuất kinh doanh cầm chừng do không thể chịu được sức ép lãi suất cao, các ngân hàng thương mại hiện có lãi cao (do thu được lợi tức chênh lệch cao giữa lãi suất huy động 14% và lãi suất cho vay 18 - 20%) nhưng sẽ rơi vào tình trạng tích trữ nợ xấu tăng do các doanh nghiệp đình đốn không trả được nợ, vốn đầu tư nước ngoài sẽ giảm, tình trạng thất nghiệp sẽ gia tăng...

2. Những giải pháp cần có

Gói giải pháp của Chính phủ là những giải pháp thắt chặt tài chính và tiền tệ – có thể xem là những giải pháp tình thế. Nhưng tình hình bất ổn kinh tế vĩ mô Việt Nam lại có căn nguyên ở

mô hình tăng trưởng – tăng trưởng bằng vốn, và tài nguyên là chính. Do vậy, muốn xử lý cơ bản vấn đề ổn định kinh tế vĩ mô phải tính đến những giải pháp dài hạn – chuyển đổi mô hình tăng trưởng – tái cấu trúc nền kinh tế. Đây là một vấn đề rất lớn đã có trong chương trình nghị sự của Chính phủ, song đáng tiếc là cho đến nay vẫn chưa có một đề án tái cấu trúc chính thức nào. Đã có một số đề án tái cấu trúc được soạn thảo nhưng ít sức thuyết phục vì những đề án này vẫn dựa trên những quan điểm phát triển của mô hình kinh tế cũ – mô hình phát triển theo chiều rộng.

Dưới đây là một số giải pháp có tính cơ bản và lâu dài.

Thứ nhất, đổi mới tư duy ở cấp cao nhất.

Những người lãnh đạo cấp cao của các quốc gia phải có tư duy tiên tiến và hiện đại. Do vậy, họ luôn tạo cơ hội tiếp cận với các chuyên gia hàng đầu trong nước và thế giới. Ở các nước Đông Á từ Singapore đến Hàn Quốc, những người đứng đầu đất nước đều đã làm như vậy. Vì vậy, những người đứng đầu Đảng, Nhà nước, Chính phủ Việt Nam nên có cơ chế sử dụng những chuyên gia hàng đầu này.

Thứ hai, đổi mới thể chế phải xem là ưu tiên cao nhất, là yếu tố quyết định Việt Nam tái cơ cấu kinh tế.

Hầu hết những tiến bộ kinh tế Việt Nam đạt được đến nay xét cho cùng là do đổi mới thể

ché, những rào cản chặn đường tiến bộ của Việt Nam cũng là những thể chế lạc hậu. Việt Nam không cần phải mò mẫm phát minh ra các thể chế mới, mà nên học tập áp dụng một cách sáng tạo các thể chế ở các nước tiên tiến đã được thực tế kiểm nghiệm hàng thế kỷ.

Trung Quốc đã áp dụng các thể chế của Hồng Kông và Singapore ở các đặc khu kinh tế và sau đó đã nhân ra toàn quốc. Việt Nam nên làm như vậy.

Thứ ba, cần điều chỉnh ngay cơ chế phân cấp quản lý giữa Trung ương và các tỉnh thành hiện nay.

Việt Nam có dân số không lớn (87 triệu) nhưng đã chia ra tới 63 tỉnh thành (Trung Quốc chỉ có 32 tỉnh thành), quyền của các tỉnh thành hiện quá lớn có thể vào hàng nhất khu vực. Do vậy đang hình thành ra các nền kinh tế tỉnh thành khá độc lập và giống nhau: tỉnh nào cũng có khu công nghiệp, có sân bay, bến cảng, có trường đại học, có đài truyền hình và phát thanh...

Sự phân cấp quá mức này đã giảm tính thống nhất của nền kinh tế, giảm quyền lực tập trung của Nhà nước Trung ương, giảm hiệu quả kinh tế... Việt Nam dù có nhiều nhân tài cũng không thể đủ phân bổ cho tới 63 tỉnh thành. Trung Quốc chỉ có 32 tỉnh thành, họ cũng tự thấy thiếu nhân tài để phân bổ tới các tỉnh thành này. Do đó, cần sớm tập trung một số quyền lực cần thiết vào tay chính quyền Trung ương ở mức cao hơn như: chỉ tiêu công, quy hoạch, quy định các dự án đầu tư, đặc biệt là xây dựng cơ sở hạ tầng, quyết định các chính sách...

Thứ tư, xem trọng hơn công tác quy hoạch phát triển.

Cho đến nay hầu như các quy hoạch phát triển các tỉnh thành, các ngành đều do các cơ quan quy hoạch trong nước thực hiện. Họ đã

vẽ ra những viễn cảnh rất tốt đẹp cho các tỉnh thành và các ngành, nhưng những giải pháp thực hiện thì quá đơn sơ, không đủ đảm bảo thực hiện các bản quy hoạch đó. Hơn nữa, trong nhiều trường hợp có quy hoạch tổng thể nhưng không có thiết kế không gian, do vậy khó thực hiện.

Trong điều kiện các cơ quan quy hoạch Việt Nam yếu về năng lực và tầm nhìn thì việc quy hoạch phát triển chỉ dành cho các cơ quan quy hoạch Việt Nam thực hiện là một yếu điểm quan trọng làm các bản quy hoạch phát triển kém chất lượng, ảnh hưởng tới sự phát triển chung của nền kinh tế. Do đó, nên tổ chức đấu thầu quốc tế quy hoạch những tỉnh, vùng và ngành quan trọng. Trung Quốc đã làm như vậy. Nếu các tổ chức tư vấn hàng đầu thế giới tham dự vào công việc quy hoạch phát triển của Việt Nam thì chắc chắn chất lượng quy hoạch sẽ tốt hơn.

Thứ năm, phát triển công nghiệp cần tập trung và liên hoàn thành các tuyến, các chuỗi, không thể rải rác tràn lan như hiện nay.

Việt Nam hiện có hơn 200 khu công nghiệp, 15 khu kinh tế ven biển, tỉnh nào cũng công nghiệp hoá bằng cách lập các khu công nghiệp – biến ruộng đất màu mỡ thành khu công nghiệp. Các khu công nghiệp này quy tụ đủ các ngành và lĩnh vực không liên quan gì đến nhau, trình độ công nghệ lạc hậu, môi trường không được xử lý... Do vậy, cần tập trung đầu tư xây dựng 2 tuyến phát triển: Hà Nội – Hải Phòng, Hồ Chí Minh – Vũng Tàu. Trên thực tế đây là 2 tuyến phát triển lớn nhất đang tập trung nhiều nguồn lực nhất, nhưng lại chưa được quy hoạch và đầu tư phù hợp, kết cấu hạ tầng quá lạc hậu, các khu công nghiệp không trở thành các tổ hợp công nghiệp liên hoàn (cluster) kém hiệu quả. Do vậy, trước hết tập trung đầu tư quy hoạch hiện đại hóa cơ sở hạ tầng cho hai tuyến phát

triển trên; ở mỗi tuyến nên xây dựng một đặc khu kinh tế, ở vùng có hải cảng lớn, là cửa mở cho toàn tuyến.

Thứ sáu, tái lập lại chủ quyền quốc gia về tiền tệ.

Trong những năm gần đây ở Việt Nam xuất hiện tình trạng gia tăng tín dụng bằng USD và vàng với mức độ ngày càng tăng. Chưa có công bố chính thức của Ngân hàng Nhà nước mức tín dụng USD và vàng là bao nhiêu, nhưng báo chí ước tính là khá lớn, tín dụng bằng USD năm 2010 đã tới 22 tỷ USD. Các chuyên gia của Ngân hàng Thế giới cho rằng, trên thế giới quá ít nước cho phép thực hiện tín dụng bằng USD và vàng, vì đây là một chính sách từ bỏ chủ quyền quốc gia về tiền tệ. USD và vàng càng gia tăng trong tín dụng thì lãnh địa cho tín dụng VND càng bị thu hẹp, Việt Nam càng trao chủ quyền tiền tệ cho USD và vàng. Ngân hàng Nhà nước lại có chủ trương cấm buôn bán vàng miếng, vàng miếng chỉ là hàng hoá không nên cấm, và nếu cấm cũng khó thực hiện, và biện pháp cấm buôn bán vàng miếng sẽ tạo ra một thị trường chợ đen về vàng miếng ngoài vòng kiểm soát.

Do đó, cần có chính sách hạn chế và đi tới chấm dứt tình trạng tín dụng bằng USD và vàng, không nên cấm buôn bán vàng miếng, huỷ bỏ chế độ “xin - cho” trong việc xuất nhập khẩu vàng và thay bằng chế độ thuế xuất nhập khẩu.

Kết luận

Tình hình bất ổn vĩ mô hiện nay có nguyên nhân sâu xa từ mô hình tăng trưởng, do vậy những giải pháp tài chính và tiền tệ có thể tạm thời ổn định được tình hình. Nhưng phải áp dụng các giải pháp cơ bản theo hướng chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ tăng trưởng dựa vào vốn là chính sang tăng trưởng chủ yếu dựa vào đổi mới và hiện đại hóa thể chế và gia tăng ứng dụng công nghệ mới, đào tạo tốt hơn nguồn nhân lực và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng mới có thể tạo được cơ hội ổn định kinh tế vĩ mô tương đối bền vững và nền kinh tế có thể phát triển có hiệu quả.

Một số giải pháp được đề xuất trên đây có thể chưa đủ nhưng nếu thực thi tốt những giải pháp trên có thể sẽ tạo ra một bước tiến trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam♦